

Bản án số: 43/2019/HNGĐ-PT

Ngày: 19-8-2019

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Ngoan

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ánh Phương

Bà Trần Thị Kim Em

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Quyên -Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông Trần Minh Hoàng- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2019/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp “ Xin ly hôn”.

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 68/2019/HNGĐ-ST ngày 03 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 232/2019/QĐPT-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Châu Văn H, sinh năm 1991; (có mặt);

Địa chỉ: tổ 10, ấp P, xã Đ1, huyện C1, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Chị Huỳnh Thị Cẩm V (V1), sinh năm 1993; (có mặt);

Địa chỉ: tổ 10, ấp P, xã Đ1, huyện C1, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: ấp L, xã L1, huyện C2, tỉnh Tiền Giang.

- Người kháng cáo: Bị đơn - chị Huỳnh Thị Cẩm V (V1).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm:

Nguyên đơn - anh Châu Văn H trình bày:

Anh và chị Huỳnh Thị Cẩm V (V1) tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 8 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, chị V tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột ở nên anh và chị V sống ly thân với nhau từ đó cho đến nay. Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị V.

Về con chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: trong thời kỳ hôn nhân anh và chị V có các tài sản chung gồm: một sợi dây chuyền vàng 06 chỉ vàng 24k, một chiếc lắc vàng 03 chỉ vàng 24k, hiện do chị V đang cất giữ. Nay anh yêu cầu chia đôi số vàng nêu trên, anh xin nhận bằng tiền.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - chị Huỳnh Thị Cẩm V trình bày:

Chị và anh Châu Văn H xác lập quan hệ vợ chồng với nhau vào năm 2017 trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu trước, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do anh H không chăm lo được cho chị, nay chị cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh H.

Về con chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: chị và anh H có tài sản chung là 09 chỉ vàng 24k do chị đang giữ. Nay chị không đồng ý theo yêu cầu chia tài sản chung của anh H vì chị đã bán số vàng này phục vụ cho việc kinh doanh buôn bán và điều trị bệnh cho chị.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 68/2019/HNGĐ-ST ngày 03/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Châu Văn H.

2. Về nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 16/5/2019, chị Huỳnh Thị Cẩm V (V1) có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Châu Văn H.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh Châu Văn H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị Huỳnh Thị Cẩm V giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Hai bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Huỳnh Thị Cẩm V, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Xin ly hôn” và thụ lý, giải quyết, đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Châu Văn H và chị Huỳnh Thị Cẩm V tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân từ năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ1, huyện C1, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 54/2017 ngày 31/7/2017 nên được xem là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo anh H trình bày sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 8 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, chị V bỏ về nhà mẹ ruột sống, không về nên anh và chị V ly thân từ đó đến nay.

Về phía chị V cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là anh H không chăm lo được cho chị.

Xét thấy, anh H và chị V ly thân đã lâu từ tháng 8 năm 2018 đến nay, sau khi xử sơ thẩm, giữa anh H và chị V không hàn gắn đoàn tụ được, chị V nộp đơn kháng cáo yêu cầu được ly hôn với anh H, với lý do chị và anh H không hợp nhau về lối sống, cãi nhau trong suốt thời gian dài dẫn đến không hòa giải hàn gắn được nữa, anh H là người không có trách nhiệm với gia đình, chị và anh H đã sống ly thân từ giữa năm 2018 đến nay. Do đó, hôn nhân giữa anh H và chị V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh H khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với chị V, chị V cũng đồng ý ly hôn. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định mâu thuẫn vợ chồng của anh H và chị V không có gì trầm trọng, đời sống chung vợ chồng

vẫn còn khả năng hàn gắn. Để tạo điều kiện cho anh chị đoàn tụ với nhau nên không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H, là không phù hợp mà cần ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Châu Văn H và chị Huỳnh Thị Cẩm V (V1).

[2.2] Về tài sản chung: Anh H yêu cầu chia tài sản chung gồm một sợi dây chuyền 06 chỉ vàng 24k và một chiếc lắc 03 chỉ vàng 24k, hiện do chị V đang cất giữ, anh yêu cầu chia lại cho anh 04 chỉ vàng 24k, anh xin nhận bằng tiền.

Chị V thừa nhận có giữ tổng cộng 09 chỉ vàng 24k, nhưng chị đã bán phục vụ kinh doanh buôn bán và điều trị bệnh cho chị.

Tại phiên tòa hôm nay, chị tự nguyện giao lại cho anh 04 chỉ vàng 24k quy thành tiền là 16.440.000 đồng (tại thời điểm xét xử giá vàng là 4.110.000đồng/chỉ vàng 24k), khi án có hiệu lực pháp luật, anh H đồng ý.

Xét việc anh chị thỏa thuận chia tài sản chung khi ly hôn là tự nguyện phù hợp với pháp luật nên ghi nhận.

[2.3] Về con chung, nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với những nhận định nêu trên, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do án bị sửa nên chị Huỳnh Thị Cẩm V (V1) không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Huỳnh Thị Cẩm V (V1).

Sửa bản án Hôn nhân sơ thẩm số 68/2019/HNGĐ-ST ngày 03/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Châu Văn H và chị Huỳnh Thị Cẩm V (V1).

2. Về tài sản chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa anh Châu Văn H và chị Huỳnh Thị Cẩm V (V1)

- Đề chị V tiếp tục sở hữu 05 chỉ vàng 24k (chị đã bán)
- Chị V có trách nhiệm giao lại cho anh H 04 chỉ vàng 24k, quy thành tiền là 16.440.000 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí: Anh Châu Văn H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 822.000 đồng (Tám trăm hai mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự trong hôn nhân. Tổng cộng là 1.122.000 đồng (Một triệu một trăm hai mươi hai nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 10044 ngày 01/4/2019 và biên lai thu số 10043 ngày 01/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C1, tỉnh Tiền Giang nên anh H phải nộp tiếp 439.500 đồng (Bốn trăm ba mươi chín nghìn năm trăm đồng).

Chị Huỳnh Thị Cẩm V (V1) phải chịu 1.027.000 đồng (Một triệu không trăm hai mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự trong hôn nhân được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 10266 ngày 16/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C1, tỉnh Tiền Giang nên chị phải nộp tiếp 727.000 đồng (Bảy trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND h. C1;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS C1;
- Đương sự;
- UBND xã Đ1, C1;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Ngoan